

QUY ĐỊNH

Công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 153/QĐ-CDSP ngày 04 tháng 8 năm 2023
của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Sư phạm Nam Định)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

- Văn bản này quy định việc xét, công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ cho người học tại trường Cao đẳng Sư phạm Nam Định.
- Quy định này áp dụng đối với người học các hình thức đào tạo từ khóa tuyển sinh năm 2023.

Điều 2. Nguyên tắc chung công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ

- Sau mỗi đợt tuyển sinh, Nhà trường thành lập hội đồng chuyên môn xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ cho sinh viên trúng tuyển. Hội đồng chuyên môn Trường xem xét công nhận, chuyển đổi tín chỉ theo **Điều 12** của Quy chế đào tạo hiện hành.
- Học phần cùng tên gọi mà người học đã học, đã thi kết thúc học phần đạt từ điểm D (thang điểm chữ) trở lên đối với đào tạo theo tín chỉ hoặc từ điểm 5 trở lên đối với đào tạo theo niên chế và có số tín chỉ hoặc đơn vị học trình quy đổi tương đương trở lên với học phần trong chương trình đào tạo (CTĐT) đang theo học của trường.
- Học phần (trong CTĐT) được công nhận, chuyển đổi tín chỉ bằng việc hợp nhất của hai hay nhiều học phần đã tích lũy (của CTĐT đã học) có cùng tên gọi và có tổng số tín chỉ của hai hay nhiều học phần đã tích lũy hoặc đơn vị học trình quy đổi tương đương trở lên với học phần trong CTĐT đang theo học. Điểm học phần được công nhận là trung bình có trọng số của điểm các học phần đã tích lũy (trọng số là số tín chỉ hoặc số đơn vị học trình của các điểm học phần đã tích lũy tương ứng).
- Trong trường hợp học phần có tên không trùng với tên học phần trong CTĐT hiện hành của Trường, nhưng có nội dung, thời lượng tương đương và đảm bảo chuẩn đầu ra của học phần thì được công nhận chuyển đổi; Hội đồng chuyên môn xem xét việc công nhận và chuyển đổi tín chỉ các học phần có nội dung, thời lượng kiến thức tương đương với CTĐT hiện hành.
- Quy đổi từ đơn vị học trình (ĐVHT) sang tín chỉ (TC) được thực hiện theo quy định sau:

TT	Số ĐVHT	Số TC quy đổi
1	2	1
2	3	2
3	4	3
4	5-6	4

6. Quy đổi điểm học phần từ thang điểm 10 sang điểm chữ và thang điểm 4 thực hiện theo quy định:

Điểm số (theo thang điểm 10)	Điểm chữ	Điểm số (theo thang điểm 4)
8,5 - 10	A	4
7,0 - 8,4	B	3
5,5 - 6,9	C	2
4,0 - 5,4	D	1

Điều 3. Xét công nhận và chuyển đổi tín chỉ các học phần khối kiến thức Giáo dục đại cương

1. Người học được công nhận kết quả học tập, miễn học, miễn thi kết thúc học phần Giáo dục Thể chất (GDTC) như sau:

a) Người học đã tốt nghiệp cao đẳng, đại học và có chứng chỉ GDTC hoặc trong bảng điểm ghi rõ kết quả học tập các học phần GDTC có số TC quy đổi tương đương trở lên với học phần trong CTĐT đang theo học được xếp loại Đạt;

b) Người học tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng, đại học thuộc nhóm ngành thể dục thể thao;

c) Người học là thương bệnh binh, có thương tật hoặc bệnh mãn tính làm hạn chế chức năng vận động; người học trong thời gian học tập tại Trường đạt giải nhất, nhì, ba hoặc đạt huy chương trong các đợt thi đấu thể thao cấp ngành hoặc từ cấp tỉnh trở lên.

2. Người học được công nhận kết quả học tập, miễn học, miễn thi kết thúc học phần Giáo dục Quốc phòng và an ninh (QP - AN) như sau:

a) Người học có giấy chứng nhận sĩ quan dự bị hoặc bằng tốt nghiệp do các trường quân đội, công an cấp;

b) Người học đã có chứng chỉ Giáo dục QP - AN tương ứng với trình độ đào tạo;

c) Người học là người nước ngoài;

d) Việc miễn, giảm, tạm hoãn học phần Giáo dục QP - AN đối với người học được thực hiện theo quy định tổ chức dạy, học và đánh giá kết quả học tập học phần Giáo dục QP - AN theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Người học có giấy xác nhận khuyết tật theo quy định của Luật người khuyết tật được Hiệu trưởng xem xét, quyết định cho miễn, giảm học một số học phần hoặc miễn giảm một số nội dung và hoạt động giáo dục mà khả năng cá nhân không thể đáp ứng được.

4. Đối với các học phần Lý luận chính trị: Người học đã tốt nghiệp cao đẳng trở lên hoặc có bằng trung cấp lý luận chính trị, trung cấp lý luận chính trị - hành chính, cử nhân chính trị được công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ (Phụ lục 1).

Điều 4. Xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ các học phần khối kiến thức, kỹ năng cơ bản

1. Đối với các học phần Tiếng Anh: Người học có chứng chỉ ngoại ngữ (còn đang trong thời hạn sử dụng, tính đến thời điểm thi kết thúc học phần) tương đương bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành hoặc B1 trở lên theo Khung tham chiếu chung châu Âu (CEFR) hoặc người học có bằng trung cấp trở lên của chương trình đào tạo Tiếng Anh được công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ (Phụ lục 2).

2. Đối với học phần Tin học: Người học có chứng chỉ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông hoặc người học có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên của các chương trình đào tạo thuộc nhóm ngành khoa học máy tính và công nghệ thông tin được công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ (Phụ lục 3).

3. Đối với học phần khác thuộc khối kiến thức, kỹ năng cơ bản, việc xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ cho người học dựa vào các học phần đã học ở CTĐT đã học so các học phần trong CTĐT theo học tại Trường theo quy định tại khoản 2, 3, 4 Điều 2 của Quy định này.

Điều 5. Xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ các học phần khối kiến thức, kỹ năng chuyên ngành

1. Không xét công nhận, chuyển đổi tín chỉ các học phần thuộc khối kiến thức kỹ năng chuyên ngành Mầm non.

2. Đối với học phần thuộc khối kiến thức, kỹ năng chuyên ngành Tiếng Anh: Người học có bằng trung cấp trở lên của chương trình đào tạo Tiếng Anh được xét, công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ dựa vào các học phần tương đương, học phần thay thế mà người học đã học ở CTĐT trước; người học có chứng chỉ ngoại ngữ (còn đang trong thời hạn sử dụng, tính đến thời điểm thi kết thúc học phần) tương đương bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành hoặc B1 theo Khung tham chiếu chung châu Âu (CEFR) được xét, công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ (Phụ lục 4).

Điều 6. Quy trình, thủ tục xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ.

1. Yêu cầu về hồ sơ:

a) Đơn xin xét, công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ theo mẫu của trường (Phụ lục 5);

b) Bản sao công chứng các văn bằng, chứng chỉ (còn giá trị) và bảng điểm (nộp kèm bản chính để đối chiếu).

Trong trường hợp Bảng điểm không ghi rõ số ĐVHT, số TC hoặc học phần không cùng tên gọi..., người học phải có xác nhận về CTĐT của cơ sở đã học. Trên cơ sở đó, phòng Đào tạo - Nghiên cứu khoa học tổng hợp, phối hợp với Khoa đào tạo đề xuất phương án trình Hội đồng chuyên môn Trường xem xét và quyết định.

2. Quy trình xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ

a) Chậm nhất sau 05 ngày làm việc kể từ khi bắt đầu học kỳ 1, người học nộp về Trường thông qua khoa quản lý sinh viên các giấy tờ gồm: bằng, chứng chỉ, bảng điểm đã tích lũy ở CTĐT đã học (bản sao công chứng);

b) Khoa quản lý xem xét, hướng dẫn người học làm đơn xin xét, công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ các học phần đủ điều kiện;

c) Hội đồng chuyên môn họp, xem xét, tổng hợp (theo Phụ lục 6) trình Hiệu trưởng ban hành Quyết định công nhận, chuyển đổi tín chỉ;

d) Căn cứ kết quả công nhận, chuyển đổi tín chỉ, khoa quản lý sinh viên thông báo cho người học các học phần được miễn học, miễn thi, công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Quy định này thay thế cho “Quy định xét và công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập trong đào tạo liên thông” ban hành kèm theo Quyết định số 155/QĐ-CDSP ngày 14/8/2020 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Sư phạm Nam Định.

2. Những trường hợp không nằm trong phạm vi áp dụng của Quy định này, phòng Đào tạo - Nghiên cứu khoa học phối hợp với khoa đào tạo xem xét trình Hiệu trưởng quyết định.

HIỆU TRƯỞNG

Trần Ngọc Hiến

PHỤ LỤC

*(kèm theo QĐ số 153 /QĐ-CDSP ngày 04 tháng 8 năm 2023
của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Sư phạm Nam Định)*

Phụ lục 1: Xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ các học phần Lý luận chính trị thuộc khối kiến thức Giáo dục đại cương

BẢNG QUY ĐỔI XÉT CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HỌC TẬP CÁC HỌC PHẦN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ

1. Đối với các học phần học trình độ cao đẳng, đại học

TT	Tên học phần	Các học phần tương đương tại trường	Ghi chú
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin	- Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1 - Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	Theo QĐ số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008 của Bộ GD-ĐT về việc ban hành Chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh Theo công văn số 3056/BGDĐT-GDĐH ngày 19/7/2019 của Bộ GD-ĐT về việc hướng dẫn thực hiện chương trình, giáo trình các môn Lý luận chính trị.
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Tư tưởng Hồ Chí Minh	
3	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	
4	Triết học Mác-Lênin	- Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1 - Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	
5	Kinh tế chính trị Mác-Lênin		
6	Chủ nghĩa xã hội khoa học		
7	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	Đường lối cách mạng của Đảng CS Việt Nam	
8	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Tư tưởng Hồ Chí Minh	

2. Đối với các văn bằng trung cấp lý luận chính trị, trung cấp lý luận chính trị - hành chính, cử nhân chính trị

TT	Trình độ đào tạo	Điểm quy đổi các HP Lý luận chính trị
1	Trung cấp	7.5 điểm
2	Cao đẳng	8.5 điểm
3	Đại học	9.5 điểm

Phụ lục 2: Xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ các học phần Tiếng Anh thuộc khối kiến thức, kỹ năng cơ bản

BẢNG QUY ĐỔI XÉT CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HỌC PHẦN TIẾNG ANH

Chương trình đào tạo: Giáo dục Mầm non

1. Đối với các chứng chỉ Tiếng Anh

VSTEP	TOEIC	IELTS	CEFR	TOEFL ITP	TOEFL IBT	Cambridge tests	Điểm quy đổi học phần
							Tiếng Anh 1
Bậc 3	450	4.5 - 5.0	B1	450	45	70-89 PET 45-59 FCE	9.0 điểm
Bậc 4	600	5.5 - 6.0	B2	500	61	90-100 PET 60-79 FCE	9.5 điểm
Bậc 5	780	6.5 - 8.0	C1	550	81	80-100 FCE 60-79 CAE	10 điểm
Bậc 6	900	8.5 - 9.0	C2	600	107	80-100 CAE 45-59 CPE	10 điểm

VSTEP: Vietnamese Standardized Test of English Proficiency

TOEIC: Test of English for International Communication

IELTS: International English Language Testing System

CEFR: Common European Framework of Reference for Languages

TOEFL ITP: Test of English as a Foreign Language, Institutional Testing Program

TOEFL IBT: Test of English as a Foreign Language, internet Based Test

PET: Preliminary English Test

FCE: First Certificate in English

CAE: Certificate in Advanced English

CPE: Certificate of Proficiency in English

2. Đối với các văn bằng đào tạo nhóm ngành Tiếng Anh

TT	Trình độ đào tạo	Điểm quy đổi cho các học phần	
		Tiếng Anh 1	Tiếng Anh 2*
1	Trung cấp	8.0 điểm	8.0 điểm
2	Cao đẳng	9.0 điểm	9.0 điểm
3	Đại học	10.0 điểm	10.0 điểm

Đầu (): HP Tiếng Anh 2 chỉ xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ với người học tốt nghiệp ngành Sư phạm Tiếng Anh hoặc có chứng chỉ Nghiệp vụ sư phạm với các nhóm ngành Tiếng Anh khác.*

Phụ lục 3: Xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ học phần Tin học thuộc khối kiến thức, kỹ năng cơ bản

BẢNG QUY ĐỔI XÉT CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HỌC PHẦN TIN HỌC

1. Đối với các chứng chỉ Tin học

Điểm MOS	Điểm IC3 (trung bình 3 kỹ năng)	Điểm Ứng dụng CNTT cơ bản*	Điểm quy đổi
700-750	620-680		5.0 điểm
751-800	681-740	5.0 - 5.9	6.0 điểm
801-850	741-800	6.0 - 6.9	7.0 điểm
851-900	801-860	7.0 - 7.9	8.0 điểm
901-950	861-920	8.0 - 8.9	9.0 điểm
952-1000	921-1000	9.0 - 10.0	10.0 điểm

***Dấu (*):** Điểm Ứng dụng CNTT cơ bản là trung bình điểm kết quả thi Trắc nghiệm và Thực hành*

2. Đối với các văn bằng đào tạo nhóm ngành Khoa học máy tính và CNTT

TT	Trình độ đào tạo	Điểm quy đổi
1	Trung cấp	8.0 điểm
2	Cao đẳng	9.0 điểm
3	Đại học	10.0 điểm

Phụ lục 4: Xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ các học phần Tiếng Anh thuộc khối kiến thức, kỹ năng chuyên ngành

BẢNG QUY ĐỔI XÉT CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HỌC PHẦN TIẾNG ANH
Chương trình đào tạo: Giáo dục Mầm non - Tiếng Anh

VSTEP	TOEIC	IELTS	CEFR	TOEFL ITP	TOEFL IBT	Cambridge tests	Điểm quy đổi cho các học phần				
							Nghe 1, Nói 1	Nghe 2, Nói 2	Đọc, Viết	Luyện âm	Ngữ pháp, Từ vựng
Bậc 3	450	4.5 - 5.0	B1	450	45	70-89 PET 45-59 FCE	9.5	9.5	9.5	9.5	10
Bậc 4	600	5.5 - 6.0	B2	500	61	90-100 PET 60-79 FCE	10	10	10	10	10
Bậc 5	780	6.5 - 8.0	C1	550	81	80-100 FCE 60-79 CAE	10	10	10	10	10
Bậc 6	900	8.5 - 9.0	C2	600	107	80-100 CAE 45-59 CPE	10	10	10	10	10

VSTEP: Vietnamese Standardized Test of English Proficiency

TOEIC: Test of English for International Communication

IELTS: International English Language Testing System

CEFR: Common European Framework of Reference for Languages

TOEFL ITP: Test of English as a Foreign Language, Institutional Testing Program

TOEFL IBT: Test of English as a Foreign Language, internet Based Test

PET: Preliminary English Test

FCE: First Certificate in English

CAE: Certificate in Advanced English

CPE: Certificate of Proficiency in English

Phụ lục 5:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐƠN XIN XÉT CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HỌC TẬP
 VÀ CHUYỂN ĐỔI TÍN CHỈ**

Kính gửi: - Ban Giám hiệu trường CĐSP Nam Định;
 - Phòng Đào tạo - Nghiên cứu khoa học;
 - Khoa

Họ và tên:

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Lớp:.....; Khóa:

Hiện tại em đã tốt nghiệp hệ:.....; ngành:

tại trường:....., có (bảng điểm, chứng chỉ, ...)
 kèm theo. Vì vậy em làm đơn này đề nghị Ban Giám hiệu, các Phòng, Khoa liên quan xem xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ các học phần em đã tích lũy trong CTĐT đã học như sau:

STT	Tên học phần (đã tích lũy)	Số ĐVHT, tín chỉ

Em xin trân trọng cảm ơn!

Khoa quản lý sinh viên
(Ký, ghi rõ họ tên)

Nam Định, ngày.....tháng.....năm 20...
Người làm đơn
(Ký, ghi rõ họ tên)

Phụ lục 6:

SỞ GD&ĐT NAM ĐỊNH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nam Định, ngày tháng năm 20

BIÊN BẢN

Xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ học phần
 cho sinh viên lớp (khóa).....ngành Giáo dục Mầm non

1. Thời gian, địa điểm:

Vào hồi,giờ, ngàytháng.....năm 20.....tại

2. Thành phần: Thành viên Hội đồng theo QĐ số /QĐ-CĐSP ngày
tháng.... năm 20... của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Sư phạm Nam Định.

3. Nội dung:

Hội đồng xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ học phần
 cho sinh viên khoa Giáo dục Mầm non đã tiến hành họp xét cho sinh viên lớp
 (khóa)..... ngành Giáo dục Mầm non, hình thức đào tạo....., số lượng.... sinh
 viên, như sau:

- Xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ học phần trong
 CTĐT mà sinh viên đã tích lũy.

- Các trường hợp đặc biệt (bảng điểm không có số ĐVHT, số TC...): nêu
 lý do, cách thực hiện (nếu có)...

- Ý kiến đề xuất khác:

4. Kết luận:

- Hội đồng đã tiến hành xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín
 chỉ học phần cho sinh viên lớp (khóa).....ngành Giáo dục Mầm non, hình thức
 đào tạo..., quy trình xét đúng quy định. Kết quả trong bảng tổng hợp kèm theo
 (Phụ lục 7).

- Cuộc họp kết thúc vào hồi:.....giờ.....phút, ngày.....tháng.....năm 202....

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

THƯ KÝ

Phụ lục 7:

SỞ GD&ĐT NAM ĐỊNH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nam Định, ngày tháng năm 20

BẢNG TỔNG HỢP

Xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ học phần cho sinh viên lớp (khóa).....ngành Giáo dục Mầm non
Hình thức đào tạo:

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Học phần được công nhận và chuyển đổi tín chỉ					Tổng số TC miễn
				Học phần 1	Học phần 2	Học phần 3	Học phần 4	Học phần 5	
				Số tín chỉ	
				Mã HP1	Mã HP2	Mã HP3	Mã HP4	Mã HP5	
1	Abc1			7.1	6.9	5.3			
2	Abc2			6.5	7.8	6.6*	4.7	Đạt	
3	Abc3								
4							

Danh sách bao gồm:..... sinh viên

Ghi chú: Dấu (*) là điểm học phần được ghép từ 2 học phần trở lên (theo trọng số) ở CTĐT đã học của người học.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

THƯ KÝ